

Số: 2295/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020 và Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Kế hoạch số 2714/KH-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Tổ công tác xây dựng và triển khai Kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, nâng cấp các DVC (thủ tục hành chính) được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này lên DVC mức độ 4 hoàn thành trước ngày 01/9/2021.

2. Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức vận hành kiểm thử, xác nhận hoàn thành việc xây dựng DVC mức độ 4 thuộc thẩm quyền của đơn vị trước khi chính thức đưa vào sử dụng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Tin học hóa - Bộ TT&TT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực BCĐ CCHC tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, KSTTHC (Thảo).

C:\Users\Admin\OneDrive\Nam 2021\QĐ Danh mục DVC mức 4 (BQLKKT).docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC DVC (TTHC) THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ**  
**CÁC KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NAM TRIỂN KHAI MỨC ĐỘ 4 NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
1	1.009756.000.00.00.H47	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư	2	x
2	1.009760.000.00.00.H47	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		2	x
3	1.009771.000.00.00.H47	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		2	x
4	1.009772.000.00.00.H47	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		2	x
5	1.009774.000.00.00.H47	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		2	x
6	1.009773.000.00.00.H47	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		2	x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
7	1.009775.000.00.00.H47	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài		2	x
8	1.009776.000.00.00.H47	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		2	x
9	1.009777.000.00.00.H47	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		2	x
10	2.001955.000.00.00.H47	Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp		3	x
11	1.005132.000.00.00.H47	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Lao động	2	x
12	2.000205.000.00.00.H47	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		3	x
13	2.000192.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		3	x
14	2.000459.000.00.00.H47	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động	Việc làm	3	x
15	1.009811.000.00.00.H47	Gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam		2	x
16	1.009105.000.00.00.H47	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài		3	x
17	2.000063.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		3	x
18	2.000450.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại	3	x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
19	2.000347.000.00.00.H47	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		3	x
20	2.000327.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		3	x
21	2.000314.000.00.00.H47	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		3	x
22	1.004356.000.00.00.H47	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		2	x
23	1.004148.000.00.00.H47	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường		3	x
24	1.004129.000.00.00.H47	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.	Môi trường	2	x
25	1.004141.000.00.00.H47	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai dự án)		2	x
26	1.002253.000.00.00.H47	Giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao lại đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, DN có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	Đất đai	2	x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
27	1.002040.000.00.00.H47	Giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền SD đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao lại đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người VN định cư ở nước ngoài, DN có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.		2	X
28	3.000019.000.00.00.H47	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong khu kinh tế	Quản lý công sản	3	X
29	1.005413.000.00.00.H47	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động		3	X
30	3.000020.000.00.00.H47	Miễn, giảm tiền thuê đất trong khu kinh tế		3	X
31	1.002701.000.00.00.H47	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch	2	X
32	1.003011.000.00.00.H47	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh		2	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
33	1.008432.000.00.00.H47	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		2	x
34	1.009794.000.00.00.H47	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý), trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (Thay thế thủ tục tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng) MS 1.009794	Xây dựng	2	x
35	1.009974.000.00.00.H47	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		3	x
36	1.009975.000.00.00.H47	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		3	x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
37	1.009977.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án):		3	X
38	1.009978.000.00.00.H47	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		3	X
39	1.009979.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		3	X
40	1.009992.000.00.00.H47	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)		2	X



STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
41	1.009993.000.00.00.H47	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)		2	x
<b>Tổng cộng</b>					<b>41</b>